

Bản án số: 24/2023/HS-PT
Ngày: 21-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2023/HSPT ngày 28 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu B.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1965 tại Bến tre; nơi cư trú: 98/184B, đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn P và bà Ngô Thị H; có chồng Nguyễn Đình T và 02 người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không. Ngày 10/10/2022, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu B: Bà Nguyễn Thị Hà N là Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 304 L, phường T, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại nhưng người này không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên không được Tòa án triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu B và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 1, khu phố 3, thị trấn C, thị xã C (nay là phường Hưng Long, thị xã C), tỉnh Bình Phước có mối quan hệ chị em ruột.

Khoảng 18 giờ ngày 14/9/2022, do mâu thuẫn cá nhân nên B đến gặp chị T để nói chuyện. Khi gặp chị T tại cơ sở “T Spa”, địa chỉ: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã C thì B hỏi “Vì sao tao gọi mà mày không nghe máy?”. Chị T trả lời “Điện thoại để trên lầu không mang theo nên không biết”. B tiếp tục chửi chị T thì chị T nói “Chị đến nhà em với tư cách là người chị thì em sẽ tiếp với tư cách là người em, còn nếu chị đến với tư cách là khách hàng thì em sẽ tiếp vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi”. Nghe vậy, B vẫn tục nói “Đ/M mày, tao là chị mày mà mày nói vậy”, đồng thời dùng tay tát vào mặt chị T 1 cái. Bị B đánh, chị T bỏ đi lên lầu để lấy điện thoại gọi báo Công an phường H, thị xã C. Tuy nhiên, sau khi đi lên lầu lấy điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max 128G, màu xanh dương đi xuống cầu thang thì B đến giật điện thoại, không cho chị T gọi báo Công an. Bị B giật co điện thoại, chị T gọi nhân viên Spa là chị Phan Thị Mộng T, sinh năm 2004, nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương đến lấy điện thoại của chị T để gọi báo Công an phường. Khi thấy chị T cầm điện thoại của chị T bỏ chạy ra ngoài đường thì B đuổi theo chị T để lấy điện thoại của chị T lại, không cho chị T gọi điện thoại báo Công an. Vừa đuổi theo chị T, B chửi thề “Đ/M chuyện gia đình tao đừng xen vào”. Thấy B đuổi theo chị T thì chị T mượn điện thoại của người hàng xóm gọi báo Công an phường H. Chị T bỏ chạy được khoảng 200 mét (thuộc khu phố 2, phường H, thị xã C) thì đứng lại nói “Giờ con bỏ điện thoại đây đi về được không” rồi đặt điện thoại di động của chị T xuống đất. Thấy vậy, B đi đến nhặt điện thoại lên, mở khóa màn hình nhưng điện thoại có cài đặt mật khẩu không mở được nên B tháo ốp lưng điện thoại ra rồi ném điện thoại xuống đường làm vỡ màn hình và mặt sau của điện thoại, rồi B nhặt điện thoại bỏ vào thùng rác gần đó rồi bỏ đi.

Bản kết luận định giá tài sản số 63/KLĐG-HĐĐGTS ngày 23/9/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã C (Nay là thị xã C) xác định: Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max 128G, màu xanh dương giá trị sử dụng còn lại là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu B phạm tội “Huỷ hoại tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu B 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/12/2023 bị cáo Nguyễn Thị Thu B có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm nhận định và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo B, sửa Bản án sơ thẩm số 125/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu B được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Huỷ hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, các tình tiết giảm nhẹ này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo và xử phạt bị cáo 09 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm

tài liệu thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân của bị cáo đang bị bệnh thoát vị đĩa đệm, bị cáo có chồng hiện đang bị bệnh về mắt chỉ nhìn được 50%, bệnh phổi, bệnh tai biến một bên tay không hoạt động được (có xác nhận của chính quyền địa phương và chứng từ kèm theo) và bị hại Nguyễn Thị T có văn bản đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo B mức án thấp nhất, đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết buộc chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội đúng theo quy định Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2008 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Do đó kháng cáo của bị cáo B được chấp nhận. Vì vậy, cần sửa một Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Thu B.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu B phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu B 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 21/4/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu B cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu B không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND TX. C;
- Chi cục THADS TX. C;
- CQĐT Công an TX. C;
- CQ THAHS TX. C;
- UBND phường A, TP. Bến Tre;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo

